

CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM



Ảnh: VnExpress

CÓ GÌ MỚI?

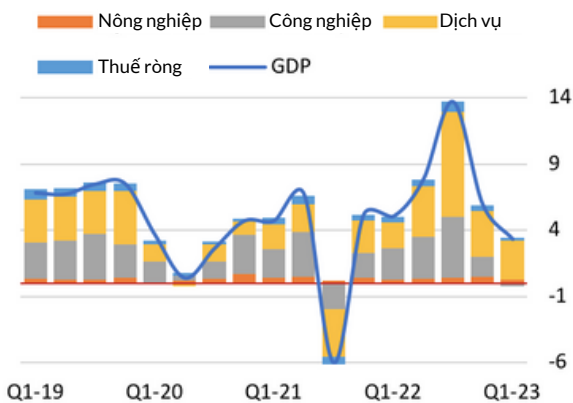
- Nền kinh tế Việt Nam giảm tốc, chỉ còn tăng trưởng 3,3% (so với cùng kỳ) trong Q1-2023, so với mức 5,9% (so với cùng kỳ) trong Q4-2022, phần lớn là do sự thu hẹp của ngành công nghiệp, phản ánh sự sụt giảm mạnh trong xuất khẩu.
- Lĩnh vực dịch vụ tiếp tục là lĩnh vực đóng góp chính vào tăng trưởng (đóng góp 2,9 điểm %) trong Q1-2023 nhờ nhu cầu nội địa tăng mạnh và lượng lớn khách quốc tế quay trở lại.
- Xuất khẩu và nhập khẩu giảm lần lượt là 11,8% (so cùng kỳ) và 14,6% (so với cùng kỳ) trong Q1-2023. Điều này phản ánh sự sụt giảm trong xuất khẩu ở một số tiểu ngành chính: điện tử, máy móc, dệt may, giày dép và các sản phẩm đầu vào nhập khẩu liên quan.
- Cả lạm phát CPI và lạm phát cơ bản tiếp tục chậm lại vào tháng 3 năm 2023 và lần lượt đạt 3,4% (so với cùng kỳ) và 4,9% (so với cùng kỳ). Lạm phát tiếp tục được thúc đẩy bởi giá lương thực, thực phẩm, nhà ở, vật liệu xây dựng trong khi giao thông không còn là yếu tố gây lạm phát lớn so với tháng 3/2022.
- Sự sụt giảm vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký trong năm 2022 tiếp tục diễn ra trong Q1-2023 (-40% so với cùng kỳ) trong bối cảnh bất định toàn cầu ở mức cao, phản ánh tác động của những bất định đến triển vọng kinh tế toàn cầu và việc thắt chặt chính sách điều kiện tài chính ở các nền kinh tế phát triển. Giải ngân vốn FDI (hay tình hình thực hiện các cam kết FDI) bắt đầu chậm lại trong Q1-2023.
- Tăng trưởng tín dụng giảm tốc trong Q1-2023 xuống còn 9,5% (so cùng kỳ năm trước) trong Q1-2023 – mức thấp nhất kể từ năm 2020, phản ánh sự chậm lại của hoạt động kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực công nghiệp và bất động sản.
- Để hỗ trợ nền kinh tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã hai lần giảm lãi suất điều hành trong tháng 3, kéo theo việc giảm lãi suất huy động và cho vay của các ngân hàng thương mại.
- Ngân sách thặng dư trong Q1-2023. Tổng doanh thu tăng 1,3% (so với cùng kỳ) trong khi tổng chi tiêu danh nghĩa tăng 7,2% (so với cùng kỳ). Chi thường xuyên đạt 22,4% kế hoạch cho cả năm trong Q1-2023, trong khi chi đầu tư phát triển chỉ chiếm 10,3% ngân sách kế hoạch trong cùng kỳ – một phần phản ánh việc giải ngân chi tiêu công chậm thường thấy trong quý đầu tiên.
- Sự tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế trong Q1-2023 cần được theo dõi chặt chẽ. Nếu nhu cầu trong nước và bên ngoài vẫn tiếp tục yếu, chính phủ có thể xem xét hỗ trợ tổng cầu thông qua đẩy nhanh giải ngân đầu tư công. Dự kiến tăng giá điện và tiền lương khu vực công trong những tháng tới và việc nới lỏng chính sách tiền tệ của NHNN có thể dẫn đến áp lực gia tăng mới đối với lạm phát. Khả năng thắt chặt tài chính hơn nữa ở Hoa Kỳ (Mỹ) để kiểm soát lạm phát có thể tạo ra áp lực tỷ giá, nhất là khi NHNN vừa giảm một số lãi suất chính sách để hỗ trợ nền kinh tế. Việc giám sát chặt chẽ khu vực tài chính là rất quan trọng trong bối cảnh thị trường tài chính toàn cầu tiếp tục có nhiều bất ổn và nền kinh tế trong nước đang chậm lại, bao gồm cả sự trì trệ trong lĩnh vực bất động sản vốn chiếm khoảng 20% khoản vay của khu vực tài chính.

NHỮNG DIỄN BIẾN KINH TẾ GẦN ĐÂY

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng thấp trong Q1-2023, chủ yếu do xuất khẩu sản phẩm chế tạo thu hẹp

GDP của Việt Nam tăng trưởng 3,3% (so với cùng kỳ) trong Q1-2023, chậm lại so với mức 5,9% (so với cùng kỳ) trong Q4-2022 (Hình 1). Đây là tốc độ tăng trưởng quý 1 (so với cùng kỳ) thấp thứ hai trong thập kỷ qua. Tốc độ tăng trưởng thấp phần lớn là do sự thu hẹp của ngành công nghiệp (-0,4% so với cùng kỳ) trong Q1-2023, so với mức trung bình 5,3% (so với cùng kỳ) trong giai đoạn 2020-22 và ảnh hưởng đến tăng trưởng (-0,1 điểm % đóng góp vào GDP). Sự suy giảm trong ngành công nghiệp phản ánh mức giảm 11,8% trong xuất khẩu (Hình 7) trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu suy yếu. Trong Q1-2023, các ngành dịch vụ tăng trưởng 6,8% (so với cùng kỳ) và đóng góp 2,9 điểm % vào GDP. Nông nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng khá ổn định ở mức 2,5% - và đóng góp 0,3 điểm % vào tăng trưởng GDP trong Q1-2023.

Hình 1: Đóng góp vào tăng trưởng GDP
(Điểm phần trăm, so với cùng kỳ, NSA)

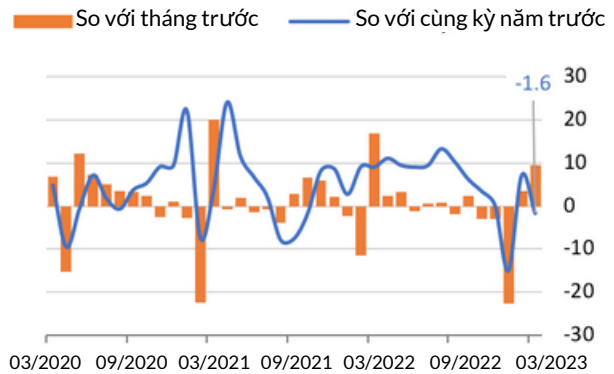


Bất chấp sự sụt giảm chung trong Q1-2023, sản xuất công nghiệp đã có những dấu hiệu cải thiện tạm thời trong tháng 3 năm 2023

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IPI) Q1-2023 thấp hơn 1,6% so với Q1-2022. Tuy nhiên, IPI đã được cải thiện vào tháng 3 năm 2023, tăng 9,4% (so với tháng trước), đối lập với mức giảm mạnh vào tháng 1 (-22,7% so với tháng trước, một phần do nghỉ Tết) và mức tăng trưởng yếu (3,5% so với tháng trước) vào tháng 2 (Hình 2). Hầu hết các ngành và phân ngành công nghiệp đều ghi nhận mức tăng trưởng (so cùng kỳ tháng) trong tháng 3 năm 2023 đặc biệt là ngành khai khoáng, dệt may, sản xuất

kim loại và sản xuất phương tiện vận tải. Sản xuất các sản phẩm điện tử và nội thất là hai trường hợp ngoại lệ, giảm lần lượt 13% và 21,7% (so với cùng kỳ) vào tháng 3 năm 2023. Sự sụt giảm này phản ánh sự sụt giảm trong xuất khẩu điện thoại thông minh (-42% so với cùng kỳ), máy tính và các sản phẩm thiết bị điện tử khác (-11% so với cùng kỳ) và đồ nội thất (-22,8% so với cùng kỳ). Triển vọng phục hồi của lĩnh vực sản xuất vẫn không chắc chắn khi Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) quay trở lại vùng thu hẹp (47,7) vào tháng 3 sau đợt phục hồi ngắn vào tháng 2 trên mốc 50 (51,2) (Hình 3).

Hình 2: Chỉ số sản xuất công nghiệp
(%, NSA)



Hình 3: Chỉ số nhà quản trị mua hàng
(50+ = Mở rộng, SA)

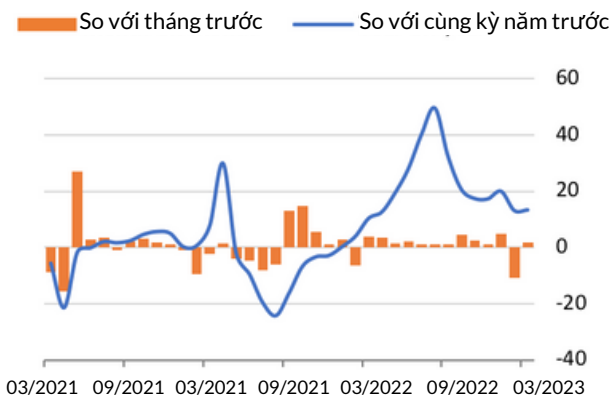


Doanh thu bán lẻ tiếp tục tăng mạnh

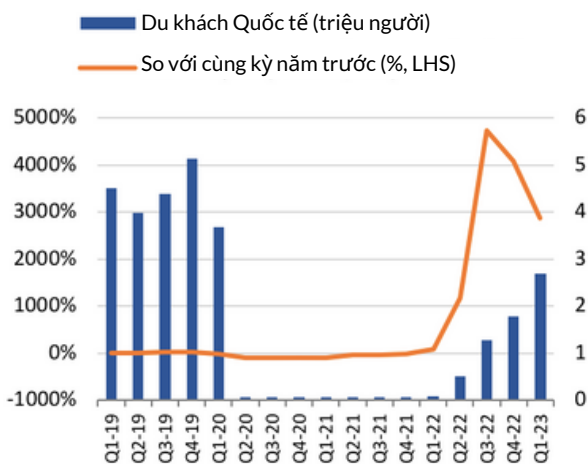
Doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 1,9% (tháng/tháng) và 13,4% (so cùng kỳ) vào tháng 3 năm 2023 (Hình 4). Đây là tháng thứ 13 liên tiếp doanh số bán lẻ ghi nhận mức tăng hai con số so với cùng kỳ, phần lớn là do yếu tố nền (điểm so sánh)

thấp liên quan đến các đợt phong tỏa do COVID-19 trong Quý 3-2021. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tiếp tục ghi nhận tốc độ tăng trưởng vững chắc, tăng 11,3% so với cùng kỳ trong tháng 3. Mặc dù chỉ đóng góp khoảng 20% tổng doanh số bán lẻ, doanh số bán hàng của các ngành dịch vụ đã ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ vào tháng 3 năm 2023, với doanh thu của cơ sở lưu trú và ăn uống tăng 25,5% (so với cùng kỳ) và doanh thu của dịch vụ lữ hành tăng 113,9% (so với cùng kỳ). Lượng khách quốc tế đạt 2,7 triệu lượt trong Q1-2023, so với 91 nghìn lượt Q1-2022 (Hình 5).

Hình 4: Doanh số bán lẻ
(%, NSA)



Hình 5: Khách quốc tế
(Hàng triệu người, NSA)

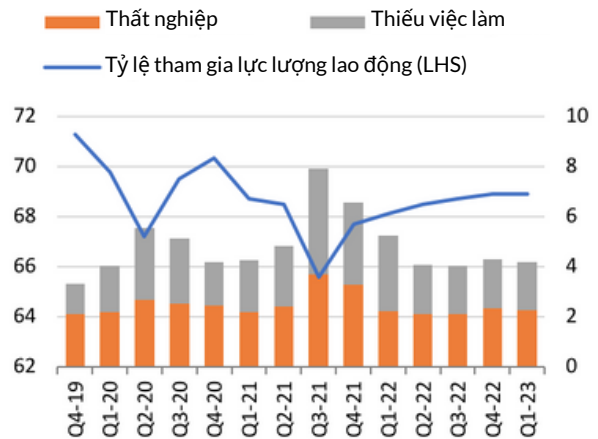


Các điều kiện thị trường lao động vẫn ổn định trong Q1-2023 so với năm 2022.

Tỷ lệ thất nghiệp Q1-2023 duy trì ở mức 2,3%, tương đương với Q4-2022 và cao hơn một chút so với mức trước đại dịch (2,1%). Tỷ lệ thiếu việc làm giảm nhẹ xuống 1,9% trong Q1-2023 (từ mức 2,0% trong Q4-2022) nhưng vẫn cao hơn khoảng 60% so

với tỷ lệ 1,2% được quan sát trong thời kỳ trước đại dịch. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động cải thiện nhẹ từ 68,1% trong Q1-2022 lên 68,9% trong Q1-2023 nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mức trước đại dịch là 71,3% (Hình 6). Mặc dù việc làm nói chung ở cấp quốc gia đã tăng lên 2,2% so với cùng kỳ, trong Q1-2023, một số trung tâm sản xuất công nghiệp lớn (như Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Bình Phước, Bắc Ninh, Bắc Giang và Thái Nguyên) đã quan sát thấy mức giảm từ 0,4% đến 5,5%, so với cùng kỳ, về việc làm tại địa phương trong Q1-2023. Điều này phản ánh sự chậm lại quan sát được trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp trong hai quý vừa qua.

Hình 6: Thị trường lao động
(%, NSA)

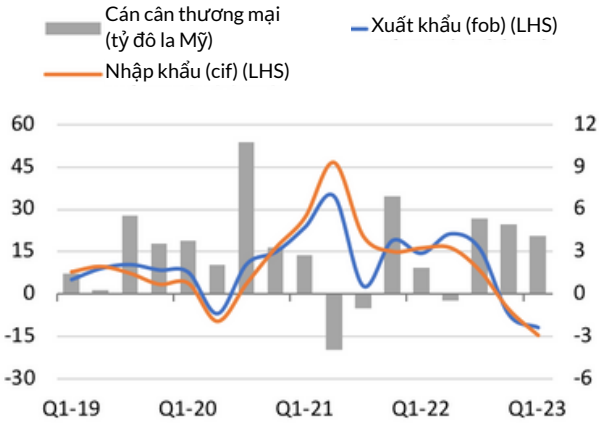


Xuất nhập khẩu quý 1-2023 giảm so với quý 1-2022

Cả xuất khẩu và nhập khẩu đều giảm lần lượt là 11,8% (so cùng kỳ) và 14,6% (so với cùng kỳ) trong Q1-2023 (Hình 7). Đây là quý thứ hai liên tiếp hoạt động thương mại hàng hóa quốc tế của Việt Nam bị thu hẹp. Xuất khẩu giảm chủ yếu do hai nhóm hàng là máy vi tính, điện thoại, điện tử và máy móc giảm khoảng 14,3% (so với cùng kỳ) và các sản phẩm dệt may, da giày giảm khoảng 18% (so với cùng kỳ) trong Q1-2023. Phản ánh sự sụt giảm trong xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu linh kiện điện thoại, máy tính, thiết bị điện tử và máy móc cũng giảm 23% (so cùng kỳ) trong Q1-2023, cho thấy sự phụ thuộc lớn của xuất khẩu công nghệ cao vào các đầu vào nhập khẩu này. Là đầu vào chính của ngành dệt may và da giày, nhập khẩu bông, sợi dệt, vải và giày dép cũng giảm 21% (so cùng kỳ) trong Q1-2023. Một số dấu hiệu cải thiện đã được ghi nhận vào tháng 3 năm 2023 khi xuất khẩu tăng 13,5% (so với tháng trước) và nhập khẩu tăng 24,4% (so với tháng

trước). Cán cân thương mại tiếp tục thặng dư (650 triệu USD) trong tháng 3, mặc dù đã thu hẹp so với mức 2,8 tỷ USD được ghi nhận của tháng 2/2023.

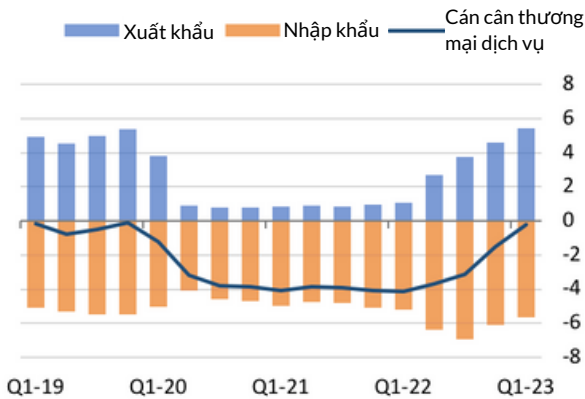
Hình 7: Thương mại hàng hoá
(%, so với cùng kỳ, NSA)



Thương mại dịch vụ tiếp tục thâm hụt trong Q1-2023 nhưng có cải thiện do xuất khẩu dịch vụ phục hồi

Cán cân thương mại dịch vụ thâm hụt tương đối nhỏ trong Q1-2023 (Hình 8) so với các quý trước, dần tiệm cận về mức trước đại dịch. Điều này phần lớn là do xuất khẩu dịch vụ phục hồi, phản ánh sự tăng trưởng mạnh mẽ của du lịch quốc tế đến Việt Nam. Du lịch nước ngoài đóng góp 2,7 tỷ USD vào xuất khẩu dịch vụ trong Q1-2023, cao hơn 250% so với cùng kỳ năm 2022. Mặt khác, nhập khẩu dịch vụ vận tải và bảo hiểm giảm khoảng 14 phần trăm (so với cùng kỳ) trong Q1-2023 do hoạt động thương mại chậm lại.

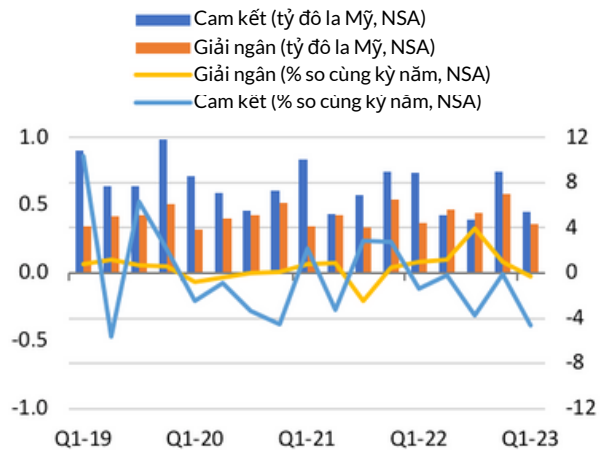
Hình 8: Thương mại Dịch vụ
(Tỷ đô la Mỹ, NSA)



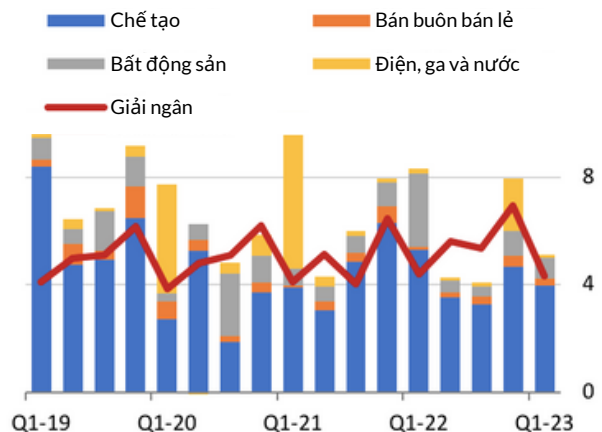
Cam kết FDI tiếp tục có xu hướng giảm trong Q1-2023 trong khi giải ngân bắt đầu chậm lại

Cam kết FDI giảm 40% so với cùng kỳ trong Q1-2023 – quý thứ năm liên tiếp cam kết FDI giảm (Hình 9). Điều này phản ánh sự bất định gia tăng liên quan đến triển vọng kinh tế toàn cầu và việc thắt chặt các điều kiện tài chính để kiểm soát lạm phát ở các nền kinh tế phát triển. Giải ngân vốn FDI (hoặc thực hiện các cam kết FDI) bắt đầu chậm lại trong Quý 1-2023 sau khi đạt kết quả khả quan trong năm 2022, đặc biệt là trong quý cuối cùng của năm. Giải ngân cho Q1-2023 giảm 38% so với Q4-2022 và giảm 2,3% (so với cùng kỳ). Sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo và bất động sản vẫn là những ngành chính thu hút cam kết FDI, chiếm khoảng 80% tổng cam kết trong Q1-2023, tương đương với cơ cấu (tỷ trọng) các ngành thu hút FDI trong ba năm qua (Hình 10).

Hình 9: Cam kết và giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Tỷ đô la Mỹ - phải, % thay đổi so với cùng kỳ - trái)



Hình 10: Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo ngành
(Tỷ đô la Mỹ, NSA)

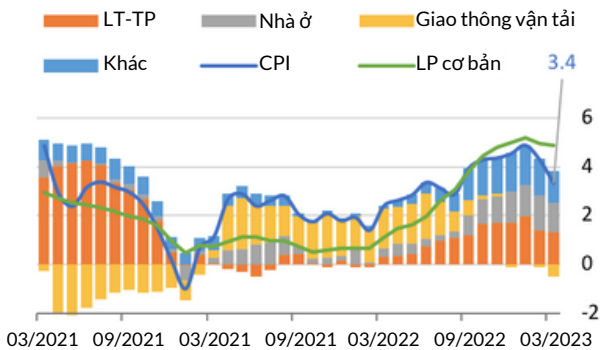


CPI và lạm phát cơ bản tiếp tục giảm nhẹ trong tháng 3

Sau khi tăng liên tục trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 1 năm 2023, cả lạm phát CPI và lạm phát cơ bản đều giảm trong tháng 2 và tháng 3 năm 2023. Tốc độ tăng trưởng của Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giảm từ 4,9% (cùng kỳ) trong tháng 1 xuống 4,3% (cùng kỳ) vào tháng 2, và tiếp tục giảm xuống còn 3,4% (cùng kỳ) vào tháng 3 năm 2023. Trong khi đó, lạm phát cơ bản giảm nhẹ từ 5,2% (cùng kỳ) xuống 5% (cùng kỳ) và 4,9% (cùng kỳ) trong ba tháng gần đây (Hình 11). Lạm phát được thúc đẩy bởi mức tăng giá lương thực và thực phẩm cũng như nhà ở và vật liệu xây dựng, với mức đóng góp vào CPI lần lượt là 1,3 điểm % và 1,2 điểm %. Giá dịch vụ giao thông giảm 4,9% so với cùng kỳ vào tháng 3 năm 2023, giúp giảm 0,5 điểm % tỷ lệ lạm phát CPI. Giao thông vận tải chỉ góp phần khá nhỏ vào lạm phát CPI kể từ tháng 10 năm 2022 tới nay, nhờ thị trường dầu mỏ toàn cầu tương đối ổn định.

Chỉ số giá sản xuất (PPI) đối với ngành công nghiệp và nông nghiệp điều chỉnh giảm từ 2,8% (so cùng kỳ) và 6,5% (so với cùng kỳ) trong Q4-2022, tương ứng xuống 1,1% (so với cùng kỳ) và 5,0% (so với cùng kỳ) trong Q1-2023. Sự giảm tốc của PPI công nghiệp có liên quan đến việc giảm giá hàng hóa, đặc biệt là nhiên liệu.

Hình 11 : Đóng góp vào lạm phát CPI
(% & điểm %, cùng kỳ năm ngoài)

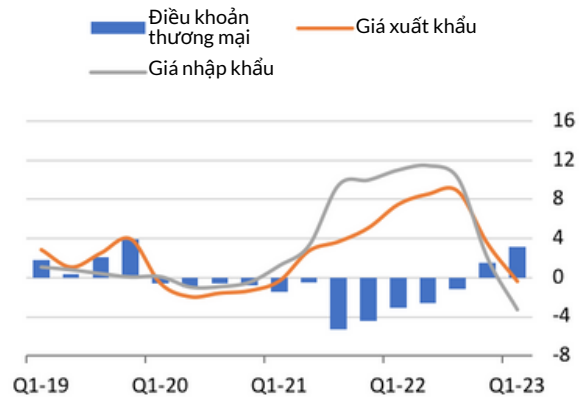


Điều khoản thương mại (hay tương quan chỉ số giá xuất khẩu - nhập khẩu) được cải thiện trong Q1-2023

Điều khoản thương mại (hay tương quan chỉ số giá xuất khẩu - nhập khẩu) được cải thiện 3,1% (so với cùng kỳ) trong Q1-2023. Sự cải thiện này là do sự kết hợp giữa giá nhập khẩu giảm và giá xuất khẩu gần như đi ngang. Chỉ số giá nhập khẩu giảm 3,3%

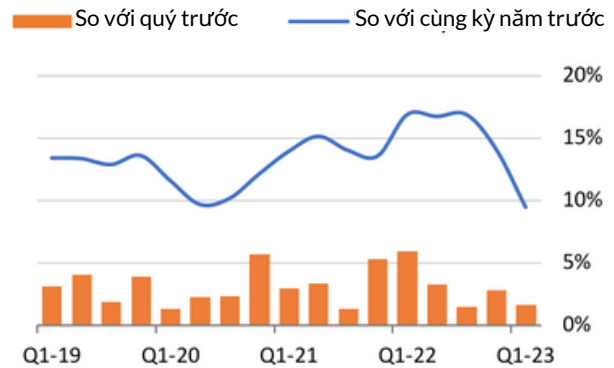
(so với cùng kỳ) trong Q1-2023 trong khi chỉ số giá xuất khẩu giảm nhẹ 0,3% (so với cùng kỳ) (Hình 12). Giá nhập khẩu tăng chậm hơn có thể do giá nhiên liệu, ví dụ như khí hóa lỏng và dầu mỏ tinh chế, giảm khoảng 2,3% (so với cùng kỳ).

Hình 12: Điều khoản thương mại
(%, so với cùng kỳ, NSA)



Tăng trưởng tín dụng giảm tốc dù các điều kiện tài chính trong nước được nới lỏng hơn

Hình 13: Tăng trưởng tín dụng
(%, NSA)



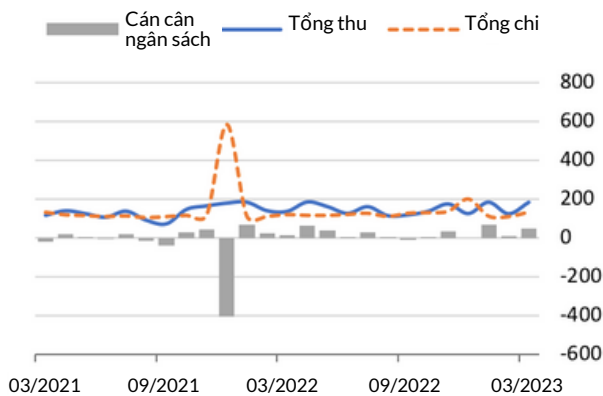
Tăng trưởng tín dụng giảm tốc từ 14,17% (so với cùng kỳ) trong Q4-2022 xuống 9,5% (so với cùng kỳ) trong Q1-2023 - mức thấp nhất kể từ năm 2020 (Hình 13). Điều này phản ánh sự chậm lại trong hoạt động kinh tế (đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp và bất động sản) cũng như môi trường lãi suất cao. Để hỗ trợ nền kinh tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã quyết định cắt giảm lãi suất chính sách 100 điểm cơ bản vào giữa tháng 3 năm 2023 và thêm 50 điểm cơ bản vào cuối tháng. Theo đó, lãi suất cho vay tái chiết khấu và cho vay qua đêm giảm từ 4,5% xuống 3,5% và từ 7,0% xuống 6,0% vào cuối tháng ba, tương ứng. Lãi suất tái cấp vốn đã giảm 50 điểm từ 6,0% xuống 5,5%. Lãi suất huy động và cho vay của nhiều ngân hàng

thương mại được điều chỉnh giảm theo định hướng điều hành chính sách tiền tệ của NHNN, qua đó giúp nới lỏng các điều kiện tài chính trong nước.

Cán cân ngân sách thặng dư trong Q1-2023

Ngân sách nhà nước (NSNN) tiếp tục thặng dư trong Q1-2023 (Hình 14). Trong khi tổng thu NSNN tăng 1,3% (so với cùng kỳ) trong Q1-2023, tổng chi NSNN danh nghĩa chỉ tăng 7,2% (so với cùng kỳ). Trong 3 tháng đầu năm 2023, Chính phủ thu 491,5 nghìn tỷ đồng, bằng 30,3% tổng dự toán thu, nhưng chi khoảng 363,4 nghìn tỷ đồng, bằng 17,5% dự toán. Chi thường xuyên trong Q1-2023 đạt 22,4% kế hoạch năm, trong khi chi đầu tư chỉ đạt 10,3% kế hoạch trong cùng kỳ. Giải ngân chi tiêu công chậm trong quý I không phải là điều bất thường, do một số các khoản đầu tư công vẫn đang chờ phân bổ ngân sách.

Hình 14: Cân đối ngân sách
(Nghìn tỷ đồng, NSA)



Cần theo dõi:

Tốc độ tăng trưởng chậm lại trong quý 1-2023 do xuất khẩu sản phẩm chế tạo giảm mạnh, cần được theo dõi chặt chẽ. Nếu nhu cầu trong nước và bên ngoài vẫn tiếp tục yếu, chính phủ nên xem xét hỗ trợ tổng cầu thông qua đẩy nhanh giải ngân đầu tư công. Dự kiến tăng giá điện và tiền lương khu vực công trong những tháng tới có thể gây áp lực lên lạm phát. Khả năng Mỹ tiếp tục thắt chặt tài chính để kiểm soát lạm phát có thể ảnh hưởng đến điều hành tỷ giá, nhất là khi NHNN vừa giảm một số lãi suất điều hành để hỗ trợ nền kinh tế. Việc giám sát chặt chẽ khu vực tài chính là rất quan trọng trong bối cảnh thị trường tài chính toàn cầu tiếp tục có nhiều bất ổn và nền kinh tế trong nước đang chậm lại, bao gồm cả sự trì trệ trong lĩnh vực bất động sản chiếm khoảng 20% khoản vay của khu vực tài chính.

Nguồn và ghi chú:

Tất cả dữ liệu được lấy từ Haver và được lấy từ Tổng cục Thống kê (GSO) của Việt Nam, ngoại trừ: thu và chi ngân sách chính phủ (Bộ Tài chính), FDI (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); PMI và lạm phát giá sản xuất (khảo sát của Nikkei và IHS Markit; Chỉ số nhà quản trị mua hàng bắt nguồn từ khảo sát 400 công ty sản xuất và dựa trên năm chỉ số riêng lẻ về đơn đặt hàng mới, sản lượng, việc làm, thời gian giao hàng của nhà cung cấp (và lượng hàng dự trữ). đã mua). Nó được điều chỉnh theo mùa. Chỉ số trên 50 cho thấy lĩnh vực sản xuất mở rộng so với tháng trước; dưới 50 cho thấy sự co lại; trong khi 50 cho thấy không có thay đổi); dữ liệu lĩnh vực tài chính, bao gồm cả thông tin tín dụng (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); tăng trưởng tín dụng và tiền gửi trong quý 1 năm 2023 (do nhân viên Ngân hàng Thế giới tính toán dựa trên dữ liệu từ tin địa phương).

SA=Điều chỉnh theo mùa; NSA=Không được điều chỉnh theo mùa; LHS = Thang âm bên trái; RHS = Thang đo tay phải; FOB = Free on Board; CIF = Chi phí, Bảo hiểm và Vận chuyển.